

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24/6/2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Chấn.
2. Ông Lê Văn Long.

Thư ký phiên tòa: bà Võ Bảo Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S tham gia phiên tòa: Ông Bùi Khắc Nghiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã S, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 41/2024/TLST –HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị V, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 19 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày:

Về hôn nhân: chị V và anh Nguyễn Ngọc Q tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên vào năm 2017, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 109 ngày 28 tháng 12 năm 2017. Quá trình chung sống anh Q cờ bạc, chị V nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Q không sửa đổi dẫn đến vay mượn tiền và nợ nần nhiều và bỏ chị và con đi, chị V không liên lạc và không gặp được anh Q. Nay chị V cảm thấy tình cảm thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: chị V xác định có 01 người con chung tên Nguyễn Thiên P, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2018, chị V yêu cầu được nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị V xác định không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quá trình Tòa giải quyết và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Ngọc Q vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ngày 22/4/2024 Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V, giao cháu Nguyễn Thiên P, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2018 cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị V không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: chị Trần Thị V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị V xin ly hôn anh Nguyễn Ngọc Q và yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS, anh Q cư trú tại: Thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã S theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Ngọc Q không thường xuyên có mặt ở nhà cũng như địa phương nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị L - mẹ đẻ anh Q và bà L đã thông báo cho anh Q biết việc Tòa án triệu tập nhưng anh Q không có mặt, thuộc trường hợp được triệu tập hợp lệ nhưng anh Q vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Nguyễn Ngọc Q theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị V và anh Nguyễn Ngọc Q tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên vào năm 2017, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 109 ngày 28 tháng 12 năm 2017 là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn: Theo lời trình bày của chị Trần Thị V nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q không lo cho chị V và con mà lo cờ bạc dẫn đến nợ nần bỏ trốn khỏi địa phương 02 năm nay, hiện nay anh Q không thường xuyên có mặt ở gia đình, chị V không gặp mặt được anh Q, quá trình Tòa án giải quyết tiến hành xác minh tại địa phương thể hiện, anh Q cờ bạc dẫn đến nợ nần, anh Q

và chị V không sống chung với nhau rất lâu, đồng thời qua làm việc với bà Lê Thị L là mẹ đẻ anh Q cũng xác định anh Q cờ bạc, nợ xã hội đen, đã 02 năm nay anh Q và chị V không còn chung sống với nhau và bà có ý kiến Tòa án xét xử cho chị V ly hôn anh Q, điều đó cho thấy tình cảm giữa chị V và anh Q thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị V là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị V yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thiên P, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2018, xét thấy hiện tại anh Q không thường xuyên sinh sống tại gia đình và địa phương, từ khi chị V và anh Q không còn chung sống với nhau thì chị V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu P nên cần thiết giao cháu Nguyễn Thiên P cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Việc chị V không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị V xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị V đối với anh Nguyễn Ngọc Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiên P, (giới tính: Nam) sinh ngày 18 tháng 5 năm 2018 cho chị Trần Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Ngọc Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Ngọc Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị V phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0000294 ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã S. Chị V đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng anh Nguyễn Ngọc Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Thị xã S;
- Chi cục thi hành án Thị xã S;
- UBND xã X ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Minh Hoàng